| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN QUẾ SƠN**<br>**TỈNH QUẢNG NAM** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **238A**/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 09/11/2018.
V/v: "Tranh chấp về ly hôn và nuôi dưỡng con chung".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Văn Thể.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

+ Ông Nguyễn Công Tài.

+ Bà Võ Thị Hồng Hải.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 về việc "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi dưỡng con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 96/TB-TA ngày 22/10/2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1975. *Có mặt.*

*2. Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1969. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị V trình bày:* Bà và ông Trần Văn T xây dựng gia đình vào năm 2000, chung sống với nhau được hai con chung thì xảy ra mâu thuẫn. Ông T và bà V đã được Tòa án cho ly hôn. Đến ngày 05/7/2011, hai ông bà tiến hành đăng ký kết hôn lại và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19, quan hệ hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do

ông T thường xuyên chửi bới, đánh đập, xúc phạm bà và gia đình bà. Ngày 05/12/2017, bà V và ông T đã được Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, ông bà không khắc phục được mâu thuẫn. Nay bà V nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 03 con chung tên là Trần Hoàng X, sinh ngày 19/8/2000, Trần Hoàng G, sinh ngày 25/7/2003 và Trần Hoàng B, sinh ngày 26/8/2012. Hiện cháu X đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Bà V yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* kể từ tháng 12 năm 2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà V không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, bà V không có trình bày và yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Trần Văn T cố tình vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai của ông T, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 107, 116 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà V được ly hôn với ông T và giao con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành; buộc ông Trần Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của ông T tại thôn K, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; bà V yêu cầu ly hôn và nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là *"Tranh chấp về ly hôn và nuôi dưỡng con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam ngày 05/7/2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn, bà V và ông T sống không hạnh phúc. Theo bà V thì nguyên nhân là do ông T thường xuyên gây gỗ, chửi bới, đánh đập, xúc phạm bà và gia đình bà, mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được. Ngày 05/12/2017, bà V và ông T đã được Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, ông bà không khắc phục được mâu thuẫn. Tại biên bản xác minh ngày 26/7/2018 UBND xã Q cung cấp: *"Trong quá trình chung sống, ông T và bà V xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không rõ".* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T đều vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hiện nay, bà V và ông T đã không còn chung sống với nhau. Điều này thể hiện, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa ông T và bà V không thể hòa giải được, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà V là có căn cứ và áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị V.

[3] Về nuôi dưỡng con chung: Theo bà V, vợ chồng bà có 03 con chung tên là Trần Hoàng X, sinh ngày 19/8/2000, Trần Hoàng G, sinh ngày 25/7/2003 và Trần Hoàng B, sinh ngày 26/8/2012. Hiện cháu X đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà V yêu cầu được nuôi dưỡng cháu G và cháu B. Theo kết quả xác minh tại UBND xã Q ngày 26/7/2018 thì bà V và ông T đều có khả năng lao động và đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Hiện nay, cháu G và cháu B đang ở với bà V; cháu G có nguyện vọng được ở với mẹ còn cháu B đã trên 36 tháng tuổi nhưng vẫn rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu G và cháu B cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Tại phiên tòa, bà V yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* kể từ tháng 12 năm 2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà V là hợp lý và có căn cứ nên áp dụng Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà V.

[4] Về tài sản chung: Bà V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên không đề cập.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TV vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị V về việc "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi dưỡng con chung*".

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng G, sinh ngày 25/7/2003 và Trần Hoàng B, sinh ngày 26/8/2012 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên *(đủ 18 tuổi)*. Ông Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* tương đương 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* cho mỗi cháu một tháng để bà V nuôi hai con. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2018. Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006731 ngày 02/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu Văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Võ Văn Thể**